

# ỨNG DỤNG MÔ HÌNH “CHẤP NHẬN CÔNG NGHỆ” NGHIÊN CỨU Ý ĐỊNH HÀNH VI HỌC TRỰC TUYẾN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19

Lê Thị Hoài Lan

Trường Đại học Đồng Nai  
Email: lanhoai@dnpu.edu.vn

## Article history

Received: 15/12/2021

Accepted: 19/01/2022

Published: 05/02/2022

## Keywords

Technology acceptance model, online learning, Covid -19 pandemic, students

## ABSTRACT

The outbreak of the Covid-19 pandemic has affected many areas around the globe, including the education field. This case study applied a technology acceptance model to examine university students' online learning intention at Dong Nai University. The data is collected through survey questionnaires with students studying online. Technology Acceptance Model (TAM) and theory of rational behavior (TRA) underpin this study. The results show that the online learning system is one of the factors affecting the online learning intention of university students. Thus, the study makes some suggestions to improve the effectiveness of online teaching to promoting students' intention to learn online.

## 1. Mở đầu

Học trực tuyến chưa bao giờ được chấp nhận như một phương thức học tập thực sự hay một phương thức giáo dục chính thức cho đến khi đại dịch Covid-19 bùng phát trên toàn thế giới (Mahajan & Kaplana, 2020). Nhưng do đại dịch ảnh hưởng đến tất cả các cấp học trong hệ thống giáo dục toàn cầu nên buộc các trường phải “đóng cửa” và cố gắng chuyển đổi các lớp học truyền thống sang lớp học trực tuyến. Chính sự thay đổi này buộc giảng viên (GV) và sinh viên (SV) phải nhanh chóng thích ứng để thay đổi phương thức tổ chức dạy và học của mình phù hợp với môi trường dạy học trực tuyến.

Đại dịch lần này ngoài việc cho thấy tầm quan trọng của sự thích nghi còn là một “phép thử” với hình thức học trực tuyến trước mắt và đặt nền móng chuyển đổi số trong tương lai xa hơn. Với việc học trực tuyến, ngành Giáo dục cũng được nhiều lợi ích như giảm chi phí, tính nhất quán, nội dung kịp thời, khả năng truy cập linh hoạt và tiện lợi (Cantoni và cộng sự). Trước sự bùng phát của đại dịch Covid-19, cùng với thực trạng phổ biến của việc dạy học trực tuyến cũng như thiết lập trạng thái bình thường mới của phương pháp dạy học, việc cần thiết là phải tìm hiểu ý kiến của người học và khám phá khuynh hướng của người học đối với phương pháp dạy học này (Bali & Liu, 2018). Để SV tiếp nhận và thành công trong việc học trực tuyến, bên cạnh các kỹ năng và kiến thức cần có, điều cần thiết là cần phải xác định các yếu tố khác ảnh hưởng đến ý định hành vi của họ về việc học trực tuyến, bởi vì sự thành công của các chương trình học trực tuyến không chỉ phụ thuộc vào sự hài lòng của SV mà còn phụ thuộc vào ý định sử dụng công nghệ của các em (Brahmasrene & Lee, 2012).

Có thể xem học trực tuyến đang là lựa chọn hàng đầu trong bối cảnh dịch kéo dài và phức tạp nhưng các yếu tố ảnh hưởng như hạ tầng công nghệ, điều kiện học tập hay khả năng hiểu và theo dõi bài học vẫn còn gặp nhiều bất cập. Vì vậy, việc nghiên cứu các yếu tố tác động tới ý định học trực tuyến của SV đại học trong tương lai là điều cần thiết. Trong bài báo này, tác giả đã sử dụng mô hình Chấp nhận công nghệ TAM để giải quyết nhiều câu hỏi khác nhau, bao gồm sự hữu ích cảm nhận, sự dễ sử dụng để nỗ lực tìm kiếm những cách thức tăng hiệu quả giáo dục trực tuyến; đồng thời áp dụng lý thuyết hành vi TRA giải thích ý định sử dụng công nghệ - hay nói cách khác là giải thích ý định học trực tuyến của SV, bởi lẽ TRA cho rằng chuẩn chủ quan được xem là một yếu tố đáng kể ảnh hưởng đến ý định học trực tuyến của SV.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý thuyết

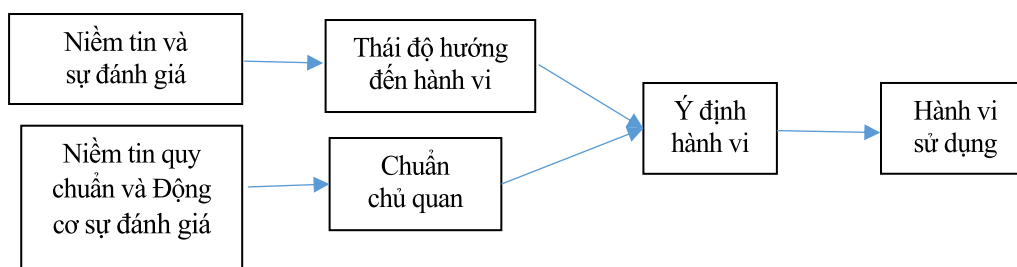
Có rất nhiều mô hình nghiên cứu đề xuất cho việc nghiên cứu về ý định hành vi và việc chấp nhận sử dụng công nghệ mới hay còn gọi là học tập trực tuyến đã được kiểm nghiệm trong nước và ở các nước khác trên thế giới. Trong bài báo này, tác giả sử dụng mô hình Chấp nhận công nghệ TAM (Technology Acceptance Model) kết hợp với mô hình nghiên cứu về ý định hành vi là mô hình Thuyết hành vi hợp lý TRA (Theory of Reasoned Action) làm cơ sở cho việc nghiên cứu ý định học tập trực tuyến của SV đại học trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

### 2.1.1. Thuyết hành vi hợp lý (Theory of Reasoned Action - TRA) (Fishbein & Ajzen, 1975)

Lí thuyết hành vi hợp lý TRA được xây dựng bởi Fishbein và Ajzen (1975). Theo TRA, các cá nhân sẽ thu thập, đánh giá hệ thống thông tin hiện có và từ đó quyết định có hay không việc thực hiện hành vi. TRA cũng cho rằng, ý định hành vi cũng quyết định trực tiếp đến hành vi và ý định hành vi chịu ảnh hưởng của thái độ và chuẩn chủ quan

- Thái độ được định nghĩa là cảm giác tích cực hay tiêu cực của một cá nhân khi thực hiện hành vi, nó là biến cố xã hội của niềm tin ở kết quả chắc chắn của hành vi và đánh giá của cá nhân về những kết quả này

- Chuẩn chủ quan được định nghĩa là một yếu tố xã hội ảnh hưởng đến niềm tin của một người. Nhận thức của một người phụ thuộc vào những người xung quanh về việc họ có được khuyến khích thực hiện một số hành vi nhất định hay không. Hành vi dự định sẽ được thực hiện khi họ có thái độ tích cực với nó và họ nghĩ rằng những người xung quanh ủng hộ họ làm như vậy. Điều đó có thể được hiểu là ý định hành vi của SV đối với việc học trực tuyến có thể bị ảnh hưởng bởi những người thân thiết như thành viên gia đình, bạn bè và những người khác.



Hình 1. Mô hình thuyết hành vi hợp lý (Fishbein & Ajzen, 1975)

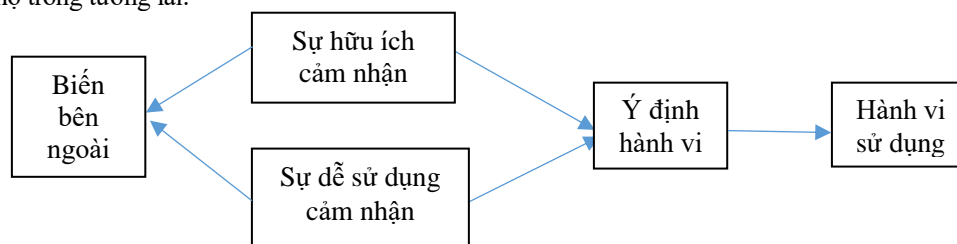
### 2.1.2. Mô hình Chấp nhận công nghệ (Technology Acceptance Model - TAM) (Venkates và cộng sự, 2003)

Mô hình chấp nhận công nghệ TAM có nguồn gốc từ mô hình TRA, được phát triển bởi Davis vào năm 1986, là sự kết hợp ngẫu nhiên giữa niềm tin (sự hữu ích cảm nhận, sự dễ sử dụng cảm nhận) với thái độ của người sử dụng, ý định sử dụng và việc chấp nhận công nghệ.

#### 2.1.3. Sự hữu ích cảm nhận, sự dễ sử dụng cảm nhận đến ý định học tập trực tuyến

Sự hữu ích cảm nhận là mức độ mà một người tin rằng việc sử dụng một hệ thống cụ thể sẽ nâng cao hiệu suất công việc của họ. Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng nhận thức sự hữu ích có ảnh hưởng trực tiếp đến thái độ sử dụng hệ thống học tập trực tuyến. Sự dễ sử dụng cảm nhận được định nghĩa là mức độ mà người dùng tin rằng việc sử dụng một hệ thống cụ thể sẽ dễ dàng (Davis và cộng sự, 1989).

Theo mô hình TAM, sự dễ sử dụng cảm nhận ảnh hưởng gián tiếp đến ý định sử dụng thông qua sự hữu ích cảm nhận (Davis và cộng sự, 1989; Venkates và cộng sự, 2003). Sự dễ sử dụng cảm nhận và sự hữu ích cảm nhận được xem là có liên quan tích cực đến ý định hành vi sử dụng công nghệ hay còn gọi là ý định học tập trực tuyến (Park, 2009). Chính vì thế, SV có thể cảm nhận được mức độ hữu ích mà công nghệ có thể ảnh hưởng đến ý định học trực tuyến của họ trong tương lai.



Hình 2. Mô hình “Chấp nhận công nghệ” (Venkatesh và cộng sự, 2003)

## 2.2. Ứng dụng mô hình “Chấp nhận công nghệ” nghiên cứu ý định hành vi học trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Đồng Nai trong bối cảnh đại dịch Covid-19

### 2.2.1. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

Học tập trực tuyến được xem là ứng dụng công nghệ trong học tập. Nghiên cứu tiến hành điều tra các yếu tố tác động đến ý định học tập trực tuyến của SV đại học trong bối cảnh đại dịch Covid-19 dựa trên mô hình chấp nhận công nghệ TAM và lí thuyết hành vi hợp lý (TRA), chúng tôi đã thiết kế một số câu hỏi định lượng về những yếu tố ảnh hưởng đến SV trong quá trình học trực tuyến. Bên cạnh đó, nghiên cứu sử dụng thêm kết quả từ khảo sát ý định

sử dụng công nghệ hoặc hành vi sử dụng (Venkates et al., 2003; Sezer & Yilmaz, 2019) để xây dựng thang đo cho ý định học tập trực tuyến, hệ thống câu hỏi tập trung vào 6 nội dung: Mức độ hỗ trợ, mức độ tương tác, mức độ phản hồi, mức độ dễ sử dụng, mức độ hữu ích và yếu tố chủ quan. Đối tượng khảo sát là 400 SV đang học trực tuyến trong học kì 1, năm học 2021-2022 tại Trường Đại học Đồng Nai. Thời gian khảo sát từ 10/9/2021 đến 31/10/2021, bằng công cụ Google Forms. Tất cả các biến quan sát được thiết kế để đo lường ý kiến của người trả lời với thang đo Likert 5 điểm (1 = Kém, 2 = Yếu, 3 = Trung bình, 4 = Khá và 5 = Tốt).

### 2.2.2. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

#### - Mức độ hỗ trợ của hệ thống học tập trực tuyến

Những câu hỏi về các yếu tố hỗ trợ cho SV có 6 biến quan sát. Nhóm yếu tố này thể hiện sự hỗ trợ của hệ thống học tập trực tuyến đối với SV như giúp SV hoàn thành nhiệm vụ, cung cấp sự linh hoạt trong việc học về thời gian và địa điểm, cung cấp các loại nội dung đa phương tiện, hỗ trợ việc kiểm tra hoặc thảo luận, trình bày rõ ràng nội dung môn học... Cụ thể như sau (xem bảng 1):

Bảng 1. Mức độ hỗ trợ của hệ thống học tập trực tuyến

STT	Biến quan sát	Mean	SD
1	Hệ thống học tập trực tuyến cho phép tôi hoàn thành nhiệm vụ nhanh chóng hơn	4,12	,911
2	Hệ thống học tập trực tuyến giúp tôi linh hoạt trong việc học tập về thời gian và địa điểm	3,83	,892
3	Hệ thống học tập trực tuyến cung cấp các loại nội dung đa phương tiện về bài học	4,18	,938
4	Hệ thống học tập trực tuyến cung cấp phương tiện hỗ trợ việc kiểm tra hoặc thảo luận tốt hơn	3,48	,912
5	Hệ thống học tập trực tuyến có thể trình bày tài liệu học tập ở định dạng được tổ chức tốt và dễ đọc	3,56	,804
6	Hệ thống học tập trực tuyến có thể trình bày nội dung môn học một cách rõ ràng	3,67	,895

Số liệu bảng 1 cho thấy, sự hỗ trợ của hệ thống học tập trực tuyến đối với SV ở mức từ khá trở lên, mức trung bình dao động từ 3,48 đến 4,18. Một số SV Khoa Tiểu học - Mầm non cho rằng: “Hệ thống học tập trực tuyến có thể hỗ trợ tốt cho SV trong mùa dịch và trong tương lai”. Như vậy, hệ thống học tập trực tuyến có thể giúp SV hoàn thành tốt nhiệm vụ một cách nhanh chóng, linh hoạt trong việc học tập, ngoài ra hệ thống học tập trực tuyến còn cung cấp các nội dung đa phương tiện về bài học, hỗ trợ việc kiểm tra hoặc thảo luận, trình bày nội dung môn học rõ ràng và giúp SV dễ đọc tài liệu trên hệ thống. Trong đó, nội dung hệ thống học tập trực tuyến cung cấp nội dung đa phương tiện có giá trị cao nhất là 4,18, điều đó cho thấy, hệ thống học tập trực tuyến là một phương tiện hỗ trợ cho việc cung cấp nguồn tài nguyên học liệu, vì vậy đòi hỏi GV cần phải thay đổi cách tổ chức dạy học, số hóa tất cả quy trình dạy học, bài giảng cần được sắp xếp trên hệ thống theo chủ đề thay vì GV đưa nguyên bài giảng truyền thống lên hệ thống online để SV có thể truy cập và nắm bắt được một cách nhanh chóng, tránh trường hợp suy giảm tập trung của SV phù hợp với việc dạy học trực tuyến. Tài liệu học tập trong hệ thống học tập trực tuyến có thể xem là công cụ hỗ trợ cho nội dung môn học, giúp gia tăng kỹ năng tổng hợp, phân tích và phản biện của SV; và các em chỉ sử dụng hiệu quả khi có được tư duy đánh giá mức độ phù hợp và có sự phản biện cho tài liệu học tập tốt hơn.

Trong các biến quan sát thì nội dung hệ thống cung cấp phương tiện hỗ trợ việc kiểm tra và thảo luận tốt hơn có điểm trung bình thấp nhất. Điều đó cho thấy GV chưa sử dụng phương tiện phù hợp cho việc kiểm tra và thảo luận trong lớp. Tuy nhiên, số liệu thống kê trên cho thấy các biến quan sát trong hệ thống học tập trực tuyến là những yếu tố tạo nên ưu điểm cho ý định học trực tuyến của các em trong thời gian dài.

#### - Mức độ tương tác của hệ thống học tập trực tuyến

Sự tương tác giữa GV và SV, SV với nhau và sử dụng công cụ hỗ trợ trong giao tiếp là điều cực kì cần thiết trong quá trình học tập trực tuyến, vì sự tương tác này sẽ làm cho SV bớt nhàm chán, không gây buồn ngủ và có hứng thú trong việc học trực tuyến (xem bảng 2).

Bảng 2. Mức độ tương tác của hệ thống học tập trực tuyến

STT	Biến quan sát	Mean	SD
1	Hệ thống học tập trực tuyến gia tăng giao tiếp tương tác giữa GV và SV	3,51	,981
2	Hệ thống học tập trực tuyến gia tăng giao tiếp tương tác giữa SV với nhau	3,58	,902
3	Sử dụng công cụ giao tiếp trong hệ thống học tập trực tuyến hiệu quả	4,12	,933

Dữ liệu khảo sát ở bảng 2 thể hiện hệ thống học tập trực tuyến có khả năng giúp gia tăng sự tương tác khá tốt, có công cụ giao tiếp trong hệ thống học tập trực tuyến hỗ trợ để tương tác hiệu quả trong quá trình học tập của các em, với điểm trung bình từ 3,51 đến 4,12. Nhiều SV của Trường cho rằng, khi sử dụng hệ thống trực tuyến các em vẫn tương tác rất tốt với GV, SV với nhau. Để không lấy đi cơ hội phát huy các kỹ năng mềm quan trọng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình,... trong quá trình học trực tuyến thì GV phải nỗ lực thiết kế tổ chức dạy học trên hệ thống học tập mà mình đang sử dụng để gia tăng giao tiếp tương tác giữa GV và SV, SV và SV một cách tốt nhất và hiệu quả nhất.

*- Mức độ phản hồi của hệ thống học tập trực tuyến*

Số lượng câu hỏi trong nhân tố này gồm 3 câu hỏi xoay quanh vấn đề tốc độ phản hồi của hệ thống học tập trực tuyến trong quá trình học của SV. Tốc độ phản hồi của hệ thống học tập trực tuyến rất quan trọng vì nó ảnh hưởng đến tiến độ lĩnh hội thông tin trong quá trình học tập của SV. Đặc biệt ảnh hưởng đến sự tập trung của các em khi hệ thống phản hồi chậm.

Nghiên cứu tìm hiểu về mức độ phản hồi của hệ thống học tập trực tuyến, độ ổn định của hệ thống và tốc độ hợp lý (xem bảng 3).

*Bảng 3. Mức độ phản hồi của hệ thống học tập trực tuyến*

STT	Biên quan sát	Mean	SD
1	Mức độ phản hồi của hệ thống học tập trực tuyến đối với những thao tác của bạn là rất nhanh	3,24	,901
2	Thời gian phản hồi của hệ thống học tập trực tuyến trong nhiều lần sử dụng là như nhau	3,31	,911
3	Thời gian phản hồi của hệ thống học tập trực tuyến là hợp lý	3,85	,923

Số liệu ở bảng 3 cho thấy mức độ đánh giá tốc độ hệ thống ở mức trung bình. Tác giả tiến hành phỏng vấn trực tiếp SV Khoa Khoa học xã hội, các em cho rằng hệ thống học tập trực tuyến của Nhà trường không ổn định. Điều đó có thể hiểu là do nhà trường sử dụng nền tảng miễn phí hoặc mua gói dữ liệu quá ít so với hệ thống người dùng cho phép trong nhà trường dẫn đến việc đường truyền không ổn định khi sử dụng. Để khắc phục điều đó, GV phải linh động số hóa bài giảng một cách tốt nhất để các em có thể nghiên cứu trước khi lên lớp.

*- Mức độ dễ sử dụng của hệ thống học tập trực tuyến*

Việc sử dụng hệ thống học tập trực tuyến thành thạo là một yếu tố tạo động lực cho SV học trực tuyến. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, việc chuyển hình thức dạy học truyền thống sang hình thức dạy học trực tuyến, thời gian để GV được tập huấn, sử dụng không nhiều nên có nhiều hạn chế trong quá trình sử dụng. Tuy hệ thống tương đối dễ sử dụng, nhưng để hiểu và thành thạo các tính năng trên hệ thống, đòi hỏi GV phải có thời gian tập luyện. Sự không thuận thực đó cũng ảnh hưởng đến việc hướng dẫn và định hướng cho SV (xem bảng 4).

*Bảng 4. Mức độ dễ sử dụng hệ thống học tập trực tuyến*

STT	Biên quan sát	Mean	SD
1	Việc tương tác với hệ thống học tập trực tuyến không đòi hỏi tôi phải nỗ lực trí óc nhiều	3,14	,912
2	Tôi có thể dễ dàng sử dụng hệ thống học tập trực tuyến, chỉ cần ai đó chỉ cho tôi cách làm	3,92	,924
3	Tôi dễ dàng sử dụng hệ thống miễn là tôi có nhiều thời gian để hoàn thành công việc mà phần mềm được cung cấp	3,81	,971

Số liệu ở bảng 4 cho thấy, việc tương tác với hệ thống học tập trực tuyến không cần đòi hỏi sinh viên phải nỗ lực trí óc ở mức độ quá cao. Hệ thống học tập trực tuyến tương đối dễ sử dụng khi các em được hướng dẫn sử dụng. Tiến hành phỏng vấn SV Khoa Khoa học xã hội, các em cho rằng không mất thời gian nhiều để làm quen với hệ thống trực tuyến, tuy nhiên thực tế cho thấy, việc học chuyển mình do đại dịch Covid-19 nên cả thầy và trò đều lúng túng khi đột ngột chuyển qua hình thức trực tuyến.

*- Mức độ hữu ích của hệ thống học tập trực tuyến*

Việc dạy học trực tuyến là phương án tốt nhất trong bối cảnh đại dịch Covid-19, không còn phương án nào có thể là tốt hơn. Do đó, tất cả GV và SV đòi hỏi phải thay đổi nhận thức lẫn phương pháp dạy và học để phù hợp với tổ chức dạy học trực tuyến. Đây cũng là cơ hội để ngành Giáo dục chuyển đổi số bắt kịp xu hướng toàn cầu hóa (xem bảng 5).

Bảng 5. Mức độ hữu ích của hệ thống học tập trực tuyến

STT	Biến quan sát	Mean	SD
1	Hệ thống học tập trực tuyến giúp tôi cải thiện hiệu suất học tập trong bối cảnh đại dịch Covid-19	3,87	,894
2	Hệ thống học tập trực tuyến giúp tôi thúc đẩy hiệu quả học tập	4,01	,901
3	Hệ thống học tập trực tuyến mang lại cho tôi sự tự chủ và linh hoạt hơn so với học trực tiếp trên lớp	3,81	,908
4	Việc sử dụng hệ thống học tập trực tuyến hiệu quả, làm tăng uy tín của tôi với các bạn cùng lớp	3,78	,917

Kết quả khảo sát trên cho thấy hệ thống học tập trực tuyến giúp SV cải thiện hiệu suất, thúc đẩy việc học tập đồng thời mang lại sự tự chủ, linh hoạt trong quá trình học tập, đạt mức trung bình từ 3,78 đến 4,01. Phỏng vấn SV, các em cho rằng, việc học trực tuyến khá thú vị vì được tự chủ trong quá trình học tập của mình. Tuy nhiên, các em cần được hướng dẫn kỹ trong quá trình sử dụng hệ thống học tập trực tuyến, GV thiết kế tài liệu hợp lý, trực quan sinh động, phù hợp với việc học trực tuyến.

*- Chuẩn chủ quan ảnh hưởng đến ý định học trực tuyến*

Nhận thức rủi ro mà SV cảm thấy lo sợ khi bị lây nhiễm dịch bệnh nếu học trực tiếp càng cao thì ý định học trực tuyến của các em càng mạnh mẽ. Tác giả tiến hành khảo sát mức độ cảm nhận chủ quan của SV ảnh hưởng đến ý định học trực tuyến và có kết quả như sau:

Bảng 6. Mức độ chuẩn chủ quan ảnh hưởng đến ý định học trực tuyến

STT	Biến quan sát	Mean	SD
1	Tôi lo lắng sợ bị lây nhiễm dịch bệnh khi học trực tiếp	3,78	,908
2	Tâm trạng của tôi không thoải mái khi học trực tiếp trong thời kỳ dịch bệnh	3,92	,901
3	Ba mẹ tôi không đồng ý cho tôi tham gia các lớp học trực tiếp	3,87	,901

Kết quả khảo sát trên cho thấy mức độ chuẩn chủ quan ảnh hưởng đến ý định học trực tuyến đạt mức trung bình từ 3,78 đến 3,92. Tiến hành phỏng vấn SV Khoa Khoa học Tự nhiên, một vài em cho rằng, tâm trạng của bản thân và ba mẹ các em lo lắng dịch bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng con người. Điều này cho thấy, sự lo lắng sợ bị lây nhiễm dịch bệnh, không thoải mái hoặc ba mẹ không đồng ý cho các em tham gia lớp học trực tiếp đạt mức độ rất cao. Đây được xem như là yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến ý định học trực tuyến của các em.

### 2.3. Một số đề xuất tác động hiệu quả đến ý định học tập trực tuyến của sinh viên

Thực trạng trên cho thấy, việc dạy học trực tuyến là sự lựa chọn tốt nhất trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Đây cũng là cơ hội giúp chúng ta thực hiện từng bước chuyển đổi số trong quản lý đào tạo và dạy học ở hệ thống giáo dục nói chung, các trường đại học nói riêng. Để triển khai việc dạy học trực tuyến thành công thì yếu tố tác động ý định học trực tuyến của SV cực kỳ quan trọng. Muốn đạt được hiệu quả như mong muốn, ngoài sự hỗ trợ của hệ thống học tập, nhà trường phải có sự thay đổi từ khâu kế hoạch cho đến đánh giá SV phù hợp, rõ ràng thì mới mang lại hiệu quả thực sự. Điều đó mới thực sự tác động đến ý định học trực tuyến của SV. Cụ thể:

*- Thay đổi kế hoạch giảng dạy phù hợp với hình thức dạy học trực tuyến:* Mức độ thành công của dạy học trực tuyến phụ thuộc vào sự tương tác. Smith và Diaz (2004) cho rằng, việc giảng dạy thông qua nghiên cứu tình huống và đặt nhiều câu hỏi sẽ giúp gia tăng sự tương tác của buổi học. Vì vậy, cần thay đổi kế hoạch giảng dạy gia tăng sự tương tác giữa GV và SV, SV với nhau để tạo sự hứng thú trong quá trình học tập của các em

*- Thay đổi hình thức, tổ chức bài học:* Thay đổi thiết kế, tổ chức bài giảng theo hướng module, chủ đề thay thế cho bài giảng truyền thống, thiết kế tài liệu học tập số, video học tập và hoạt động tương tác trực tiếp, vận dụng phát triển học liệu số cho nội dung dạy học

Đội ngũ GV nên chuẩn bị tài liệu cho các lớp học trực tuyến dưới 30 phút. Thời gian học ngắn trong các lớp học trực tuyến không đòi hỏi SV duy trì sự chú ý và tập trung quá lâu dẫn đến chán nản.

*- Đổi mới phương pháp dạy học:* Phương pháp dạy học được thay đổi và cập nhật nhanh chóng cũng với sự phát triển của công nghệ. Các phương pháp dạy học cần lưu ý là: + Trò chơi hóa: Một tập hợp các hoạt động được thiết kế dưới hình thức trò chơi để tạo hứng thú và động lực cho người học; + Dạy học tích cực, sử dụng tương tác ảo trên nền tảng điện toán đám mây: Các ứng dụng dựa trên đám mây sẽ giúp giảm chi phí cơ sở hạ tầng và công nghệ thông tin, tăng khả năng tiếp cận, cho phép cộng tác và tổ chức linh hoạt hơn trong việc tùy chỉnh các sản phẩm được số hóa; + Phát triển và khai thác các phương pháp dạy học dựa trên học tập thích ứng; + Khai thác phương pháp dạy học có sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo (AI): AI có thể giúp phát triển các công cụ học tập, có thể cung cấp hướng dẫn

và giải thích cho người học. Phương pháp tiếp cận làm tăng hiệu quả học tập của người học; + Phân tích dạy học/quá trình học tập của người học nhờ vào công cụ phân tích học tập; + Dạy học theo chiến lược chia nhỏ thành các đơn vị học tập (micro learning); + Chú trọng phát triển hiểu biết và năng lực kỹ thuật số quan trọng; + Dạy học thông qua các phương tiện nghe nhìn: Những phương tiện này có thể là công cụ hữu hiệu trong việc nâng cao khả năng dạy học và phổ biến kiến thức. Chúng có thể cung cấp những trải nghiệm, kích thích hoạt động tự giác của người học; + Dạy học khai thác công nghệ chuỗi khối (blockchain), đặc biệt trong kiểm tra, đánh giá; + Dạy học khai thác các ứng dụng thực tế ảo và thực tế tăng cường để giúp người học được tham gia quá trình học tập trải nghiệm bằng hình thức làm ảo; + Khai thác công nghệ dữ liệu lớn (Big data) để tăng cường hiệu quả của phương pháp dạy học; + Dạy học cùng với sự hỗ trợ của các trợ lý ảo (chatbox): Thông qua công nghệ này, SV có thể nhận được câu trả lời nhanh chóng cho các câu hỏi đơn giản và thường gặp nhất của họ.

- *Bồi dưỡng phát triển năng lực cho giảng viên*: Bồi dưỡng phát triển năng lực chuyển đổi số và dạy học trực tuyến cho GV và cán bộ quản lý, bồi dưỡng năng lực khai thác hệ sinh thái học tập cho SV để tổ chức dạy học hiệu quả, tránh gây sự chán nản từ phía SV và tạo động lực trong việc học trực tuyến cho các em.

- *Đổi mới hình thức đánh giá người học*: Khai thác các công cụ tự động trong hệ thống học tập để giúp SV tự học, tự đánh giá và được hệ thống chấm điểm và có câu trả lời tức thì sẽ tốt hơn, giúp các em chủ động về thời gian học.

### 3. Kết luận

Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu các yếu tố tác động vào ý định học trực tuyến của SV trong bối cảnh đại dịch Covid-19 dựa trên mô hình chấp nhận công nghệ TAM và lý thuyết hành vi TRA. Kết quả cho thấy, đây là một cơ hội để các trường đại học đẩy mạnh việc chuyển đổi số trong giáo dục bằng cách triển khai hình thức dạy học trực tuyến. Yếu tố tác động đến ý định học trực tuyến của SV lâu dài trong thời gian về sau, đòi hỏi nhà trường phải định hướng lựa chọn hệ thống học tập phù hợp, xây dựng kế hoạch giảng dạy phù hợp với hình thức dạy học trực tuyến, GV phải thay đổi thiết kế dạy học, tổ chức bài giảng, được bồi dưỡng, tập huấn phát triển năng lực cho GV đồng thời đổi mới hình thức đánh giá SV. Ngoài ra, SV phải được hướng dẫn sử dụng thành thạo hệ thống, biết cách khai thác tối đa sự ưu việt của công nghệ mới, tự tìm tòi, tự nghiên cứu và biết tự đánh giá thông qua việc chấm điểm của hệ thống học tập trực tuyến. Bài báo đã đề xuất một số định hướng để việc dạy học trực tuyến đạt hiệu quả cao, tạo động lực cho SV tiếp tục có ý định học trực tuyến lâu dài, bền vững.

### Tài liệu tham khảo

- Bali, S., Liu, M. C. (2018). Students' perceptions toward online learning and face-to-face learning courses. *Journal of Physics: Conference Series*, 1108, 012094.
- Brahmasrene, T., Lee, J. W. (2012). Determinants of Intent to Continue Using Online Learning: A Tale of Two Universities. *Interdisciplinary Journal of Information, Knowledge, and Management*, 7, (1), 1-20.
- Cantoni, V., Cellario, M., & Porta, M. (2004). Perspectives and challenges in e-learning: towards natural interaction paradigms. *Journal of Visual Languages & Computing*, 15(5), 333-345.
- Davis, F. D., Bagozzi, R. P., & Warshaw, P. R. (1989). User acceptance of computer technology: A comparison of two theoretical models. *Management science*, 35(8), 982-1003.
- Đông Văn Ngọc (2021). Một số đề xuất đổi mới phương pháp dạy học tại các trường cao đẳng giáo dục nghề nghiệp trong thời kỳ chuyển đổi số. *Tạp chí Giáo dục*, 496, 44-48.
- Fishbein, M., & Ajzen, I. (1975). *Belief, attitude, intention and behavior reading*, MA. Addison-Wesley. Ford, RC.
- Mahajan, M. V., & Kalpana, R. (2020). A study of students' perception about e-learning. *Indian Journal of Clinical Anatomy and Physiology*, 5(4), 501-507.
- Park, S. Y. (2009). An analysis of the technology acceptance model in understanding university students' behavioral intention to use e-learning. *Journal of Educational Technology & Society*, 12(3), 150-162.
- Sezer, B., & Yilmaz, R. (2019). Learning management system acceptance scale (LMSAS): A validity and reliability study. *Australasian Journal of Educational Technology*, 35(3).
- Shekerdeman, L. S. et al. (2020). Characteristics and outcomes of children with coronavirus disease 2019 (COVID-19) infection admitted to US and Canadian pediatric intensive care units. *JAMA Pediatr*, 174(9), 868-873.
- Smith, M., & Winking-Diaz, A. (2004). Increasing students' interactivity in an online course. *The Journal of Interactive Online Learning*, 2(3), 1-25.
- Venkatesh, V., Morris, M. G., Davis, G. B. & Davis, F. D. (2003). User acceptance of information technology: Toward a unified view. *MIS quarterly*, 27(3), 425-478.